

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 39/2019/DS-PT

Ngày: 15/7/2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thắng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án HNGĐ phúc thẩm thụ lý số 35/2019/TLPT ngày 25 tháng 6 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Do bản án số 22/2019/HNGĐ-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân TP H bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐ-PT ngày 01/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1967

Địa chỉ: SN 330 T, phường Đ, TP H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Thế D - Sinh năm 1967

Nơi công tác: Tổ cơ yếu, tiểu đoàn hỗn hợp Đảo M - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh D (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Thế D tự nguyện kết hôn với nhau năm

1994, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường S, TP H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, xảy ra cãi cọ, xô xát nhau nên ngày 06/5/2017 anh D đã làm đơn (có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố) gửi TAND TP H giải quyết ly hôn nhưng sau đó khoảng 01 tháng anh D đã rút đơn xin ly hôn. Sau khi anh D rút đơn xin ly hôn, chị đã nhiều lần làm đơn khởi kiện đề nghị TAND TP H giải quyết cho chị và anh D ly hôn. Do mâu thuẫn đã kéo dài nên chị và anh D đã sống ly thân nhau từ nhiều năm nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án không hòa giải và giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung, cháu Hoàng H - Sinh ngày 05/10/1994 đã có chồng, có gia đình riêng và cháu Hoàng A - Sinh ngày 07/9/2001 đang là học sinh cấp 3. Ly hôn cháu H đã thành niên và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét. Còn cháu A đang là học sinh, chị đề nghị Tòa án giao cháu Anh cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và anh D có trách nhiệm đối với cháu, vì chị bị chấn thương sọ não năm 2013, bị người khác đánh gây tổn hại 11% sức khỏe năm 2018 nên chị không có khả năng nuôi dưỡng cháu A.

Về tài sản: 01 nhà + đất tại SN 330 T, phường Đ, TP H, tỉnh Thanh Hóa; 01 mảnh đất tại thôn 1, phường Q, TP H; 01 tủ lạnh; 01 tủ gỗ; 01 dàn Karaoke; sập và bộ bàn ghế đồng kị; xe máy Sirius; tủ đựng quần áo và đồ dùng trong nhà là do chị mua sắm và được bố chị cho trước khi kết hôn với anh D, số tài sản này là của chị, không liên quan đến anh D, chị và anh D không có tài sản chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 4 năm 2019, bị đơn anh Hoàng Thế D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, TP H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được khoảng 15 năm, đến 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng nhau về quan điểm, trái ngược nhau về tính cách nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi lộn,

chửi mắng nhau. Kể từ năm 2008 anh chuyển đến Đảo Mê, huyện Tĩnh Gia công tác và cũng kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung, cháu Hoàng H - Sinh ngày 05/10/1994 và cháu Hoàng A - Sinh ngày 07/9/2001. Ly hôn cháu H đã thành niên và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét. Còn cháu Anh đang là học sinh lớp 12, anh đồng ý với ý kiến của chị L về việc giao cháu A cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị L đang bị chấn thương.

Về tài sản: Anh nhất trí với ý kiến của chị L về số tài sản chị L trình bày trong đơn khởi kiện là của chị L và anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra anh Hoàng Thế D còn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị giải quyết vắng mặt vì anh đang công tác ngoài Đảo Mê, việc đi lại vào đất liền khó khăn.

Bản án số 22/2019/HNGĐ-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân TP H quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L, anh Hoàng Thế D.

Về con: Công nhận cháu Hoàng H - Sinh ngày 05/10/1994 và cháu Hoàng A - Sinh ngày 07/9/2001 là con chung của chị Nguyễn Thị L, anh Hoàng Thế D. Giao cháu A cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/5/2019, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L kháng cáo với các nội dung như sau:

- Anh D làm đơn khởi kiện ly hôn ngày 06/5/2017, sau đó anh D rút đơn xin ly hôn. Chị L đã 5 lần làm đơn khởi kiện ly hôn và nộp tạm ứng án phí ngày 13/10/2017, nhưng mãi đến 10/5/2019 Tòa mới mở phiên tòa xét xử và ngày 23/5/2019 mới giao bản án cho chị là sai quy định.

- Bản án ghi “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” chị không nhất trí vì chị không phải là người mẹ vô trách nhiệm, dồn đẩy cho anh D nuôi cháu Hoàng A mà anh chị có sự thỏa thuận thống nhất để anh D nuôi con.

- Về nguyên nhân mâu thuẫn chị có nêu là anh D thường xuyên lừa đánh chị ở phố L và T, nhưng Tòa nhận định là cãi chửi nhau là không đúng sự thật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh D có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật TTDS.

- Nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308, khoản 1 điều 149 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của chị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 10/5/2019 Tòa án nhân dân TP H mở phiên tòa xét xử vụ án, chị L có mặt tại phiên tòa. Ngày 27/5/2019, chị L làm đơn kháng cáo. Tuy thời hạn kháng cáo là 17 ngày nhưng ngày 25/5/2019 (thời điểm kết thúc thời hạn kháng cáo) vào ngày thứ 7, ngày 26/5/2019 là ngày chủ nhật. Do

đó, thời điểm kết thúc thời hạn kháng cáo được tính vào ngày thứ 2 là ngày 27/5/2019 là phù hợp với quy định tại khoản 4 điều 4 nghị quyết số 06/2012 ngày 03/12/2012 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định về thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Hoàng Thế D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh D là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị L:

2.1. Chị Nguyễn Thị L khởi kiện ly hôn tại TAND TP H và nộp tạm ứng án phí ngày 13/10/2017. Tuy nhiên xác minh địa chỉ của anh Hoàng Thế D nơi công tác: Tổ cơ yếu, tiểu đoàn hỗn hợp Đảo M - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa, đóng trên địa bàn xã Hải B, huyện T, Thanh Hóa. Căn cứ điểm a Khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ, TAND TP H đã chuyển vụ án cho TAND huyện T giải quyết. Do triệu tập nhiều lần chị L không có mặt, TAND huyện T đã đình chỉ việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau khi anh D đồng ý lựa chọn TAND TP H giải quyết thì ngày 18/3/2019 TAND TP H mới thụ lý giải quyết. Ngày 10/5/2019 Tòa án mở phiên tòa là không vi phạm thời hạn giải quyết vụ án quy định tại điểm a khoản 1 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn giao bản án sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 điều 269 BLTTDS thời hạn giao bản án sơ thẩm là 10 ngày kể từ ngày tuyên án. Tòa cấp sơ thẩm xử ngày 10/5/2019, nhưng đến ngày 23/5/2019 mới giao bản án cho đương sự là vi phạm về thời hạn, cần rút kinh nghiệm.

2.2. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm giao anh D nuôi cháu Hoàng A, không buộc chị đóng góp nuôi con là trên cơ sở nguyện vọng của chị cũng như sự thống nhất của anh có sự tham khảo ý kiến của cháu A. Đây là vụ án dân sự chứ không phải việc dân sự, nên việc Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn là phù hợp pháp luật.

2.3. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị L, anh D đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong tính cách và quan điểm sống. Việc cãi chửi hay xô xát nhau cũng đều minh chứng cho mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Anh D, chị L đều xác định mâu thuẫn kéo dài, tình cảm không còn, đã sống ly thân nhau nhiều năm và đồng ý thuận tình ly hôn. Về hôn nhân, bản án HNGĐ – ST đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L, anh Hoàng Thế D là phù hợp pháp luật và nguyện vọng của anh, chị.

[3] *Về án phí*: Kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000057 ngày 06/6/2019 của Chi cục THADS TP H.

[4] Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308; Điều 309; Khoản 1 Điều 148; Khoản 2 điều 296 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án số 22/2019/HNGĐ-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân TP H.

3. Án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000057 ngày 06/6/2019 của Chi cục THADS TP H (chị L đã nộp đủ tiền án phí).

4. Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án HNGĐ phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- VKSND tp Thanh Hoá
- TAND TP H
- Chi cục THA TP H
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Dung

